

Bản án số: **208/2018/HS-PT**

Ngày 27/11/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Minh Long**

Các Thẩm phán: Ông **Phan Vĩnh Chuyên**
Ông **Huỳnh Đức Kỳ**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Hồ Quỳnh Trâm** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* Ông **Nguyễn Hữu Đãi Em** - Kiểm sát viên.

Ngày 27/11/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 180/2018/TLPT-HS ngày 29/10/2018 đối với các bị cáo Trương Thanh T và Nguyễn Song H do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 68/2018/HS-ST ngày 01/10/2018 của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

- *Bị cáo có kháng cáo:*

1. Trương Thanh T; Tên gọi khác: không; Sinh ngày: 31/3/1969 tại thành phố Hà Nội; Nơi ĐKKHKT: Tổ xx phường H, quận Hải Châu, Tp. Đà Nẵng. Tạm trú: Tổ xx phường T, quận Thanh Khê, Tp. Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Nguyên Phó Trưởng ban Ban giải tỏa đền bù các dự án đầu tư xây dựng số 2 thành phố Đà Nẵng; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Đảng phái: Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng; Con ông Trương T (s) và bà Lê Thị Ngọc L (Đã chết); Bị cáo có vợ tên Võ Thị Hồng Đ và có hai con, con lớn nhất sinh năm 2001, con nhỏ nhất sinh năm 2004; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo hiện đang tại ngoại. (Có mặt tại phiên tòa)

2. Nguyễn Song H; Tên gọi khác: không; Sinh ngày: 29/3/1974 tại thành phố Đà Nẵng; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ xx phường H, quận Hải Châu, Tp. Đà Nẵng. Tạm trú: Tổ xx phường M, quận Liên Chiểu, Tp. Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Nguyên nhân viên kỹ thuật Ban giải tỏa đền bù các dự án đầu tư xây dựng số 2 thành phố Đà Nẵng; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn H và bà Nguyễn Thị H; Bị cáo có vợ tên Trần Thị N và có hai con, con lớn nhất sinh năm 2004, con nhỏ nhất sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo hiện đang tại ngoại (Có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 05/6/2008 Ủy ban Nhân dân Thành phố Đà Nẵng có quyết định số 4427/QĐ- UBND thu hồi 449,400m² đất rừng để thực hiện dự án Khu nghỉ dưỡng cao cấp Tây Nam Suối Đá và giao cho Ban giải tỏa đền bù các dự án đầu tư xây dựng số 2 Thành phố Đà Nẵng kiểm định, giải tỏa đền bù. Do đất rừng nhận giao khoán của hộ gia đình ông Trung nằm trong diện tích đất thu hồi thực hiện dự án như trên nên Ban giải tỏa đền bù các dự án đầu tư xây dựng số 2 Thành phố Đà Nẵng thực hiện việc kiểm định diện tích đất rừng của hộ gia đình ông Trung theo 3 hợp đồng giao khoán.

Hồ sơ đền bù giải tỏa của Ban giải tỏa đền bù các dự án đầu tư xây dựng số 2 Thành phố Đà Nẵng thể hiện việc kiểm định cây cối, hoa màu, vật kiến trúc của 2,5 ha theo hợp đồng số 59/HĐGK ngày 20/10/1998 của ông Nguyễn Thế T và bà Trần Thị Việt H đứng tên có số hồ sơ 24; 2,5 ha theo hợp đồng số 59/HĐGK ngày 20/10/1998 do Nguyễn Thế T, bà Trần Thị Việt H và bà Trần Thị H đứng tên có số hồ sơ 23 và 02 ha theo hợp đồng số 196 B/HĐGK ngày 21/10/1998 do ông Trần Đình T đứng tên có số hồ sơ 22. Công tác kiểm định đối với 3 hồ sơ giải tỏa đền bù 22, 23, 24 do Tổ kiểm định theo biên bản kiểm định cây cối hoa màu lập ngày 15/4/2011 gồm có các thành viên sau:

- Ông Trương Thanh T- Phó trưởng ban, Ban giải tỏa đền bù số 2
- Ông Nguyễn Song H- Cán bộ kỹ thuật Ban giải tỏa đền bù
- Bà Ngô Thị T- Cán bộ áp giá đền bù
- Ông Tân Đăng K- Cán bộ xác định tính pháp lý nhà đất.
- Ông Nguyễn H- Đại diện Ủy ban nhân dân quận Sơn Trà.
- Ông Lê Văn S- Đại diện Ủy ban nhân dân phường Thọ Quang.

Ngày 15/4/2011, tổ kiểm định gồm có các ông bà: Nguyễn Song H, Tân Đăng K, Ngô Thị T có mặt tại Trạm kiểm lâm Suối Đá làm việc trực tiếp với ông Trần Đình T về công tác kiểm định thực tế đối với hồ sơ giải tỏa đền bù số 22, 23, 24. Sau khi hướng dẫn ông T nộp các giấy tờ liên quan đến thửa đất được giải tỏa đền bù và điền bản kê khai nguồn gốc đất lâm- nông nghiệp. Ông T dẫn Nguyễn Song H, Tân Đăng K lên tại vị trí đất giải tỏa. Tại hiện trường, ông T cầm một đầu dây thước loại 7,5 mét cùng Tân Đăng K đo bể chứa nước H2 (ký hiệu theo kết quả kiểm định thực tế ngày 28 tháng 3 năm 2017), Tân Đăng K đọc số liệu, Nguyễn Song H phác thảo hiện trạng đất và ghi số liệu, tính toán. Sau khi đo xong bể chứa nước H2, ông T chỉ trên đất còn hai bể chứa nước khác nữa và ông T bỏ đi làm việc của mình. Do địa hình hiểm trở, dây leo chằng chịt, khó khăn trong việc đi lại, Nguyễn Song H và Tân Đăng K thống nhất không đo hai bể chứa nước còn lại và lấy số liệu tương tự bể đã đo để ghi vào biên bản và quay về Trạm kiểm lâm Suối đá. Tại Trạm kiểm lâm Suối Đá, Ngô Thị T lập biên bản kiểm định thực tế dựa trên số liệu do Nguyễn Song H cung cấp, ông T và tổ kiểm định cùng ký vào biên bản.

Trong ba hồ sơ kiểm định trên thể hiện Biên bản kiểm định ngày 15/4/2011 cho các thành viên có tên trong tổ kiểm định cùng với ông Trần Đình T là người được đền bù giải tỏa theo hồ sơ số 22 vừa là người đại diện cho người được đền bù giải tỏa theo hồ sơ số 23, 24 ký lập, thể hiện kết quả kiểm định ngoài cây cối, hoa màu còn có vật kiến trúc như sau:

- Đối với diện tích đất thuộc hồ sơ giải tỏa đền bù số 22 (thửa đất số 1, tờ bản đồ số 264, số hiệu mảnh bản đồ gốc: 82- 26- D- III- c) có một bể nước ký hiệu H1 bê tông cốt thép (phục vụ sản xuất) $V = 20,0 \times 9,0 \times 2,0 = 360,0 \text{ m}^3$

- Đối với diện tích đất thuộc hồ sơ giải tỏa đền bù số 23 (thửa đất số 2, tờ bản đồ số 264, số hiệu mảnh bản đồ gốc: 82- 26- D- III- c) có một bể nước ký hiệu H2 bê tông cốt thép (phục vụ sản xuất) $V = 20,0 \times 9,0 \times 2,0 = 360,0 \text{ m}^3$

- Đối với diện tích đất thuộc hồ sơ giải tỏa đền bù số 24 (thửa đất số 3, tờ bản đồ số 264, số hiệu mảnh bản đồ gốc: : 82- 26- D- III- c) có một bể nước ký hiệu H3 bê tông cốt thép (phục vụ sản xuất) $V = 20,0 \times 9,0 \times 2,0 = 360,0 \text{ m}^3$

Với kết quả kiểm định trên Ban giải tỏa đền bù các dự án đầu tư xây dựng số 2 Thành phố Đà Nẵng đã áp giá và đền bù cho hộ gia đình ông Trần Đình T nhận số tiền là $3 \text{ hồ} \times 360\text{m}^3 \times 516.000\text{đ}/\text{m}^3 = 557.289.000\text{đồng}$ (Ông T nhận tiền của hồ sơ giải tỏa đền bù số 22, Bà H và bà H ủy quyền cho ông T theo văn bản ủy quyền ngày 25/4/2011 và ông T đứng nhận tiền đền bù, bà H nhận tiền của hồ sơ giải tỏa đền bù số 24)

Ngày 28/3/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra công an thành phố Đà Nẵng đã lập đoàn kiểm tra thành phần gồm: Cơ quan Cảnh sát điều tra, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng, đại diện chủ đầu tư, đại diện các hộ được giao khoán, Trung tâm đo đạc bản đồ thành phố Đà Nẵng tiến hành kiểm tra thực tế và đo đạc tại ba diện tích đất rừng được giao khoán thuộc 3 hồ sơ giải tỏa số 22, 23, 24 và xác định:

- Trong diện tích đất thuộc hồ sơ giải tỏa đền bù số 22 không có bể chứa nước nào, hiện trạng thửa đất không có dấu vết san lấp, đập phá.

- Trong diện tích đất thuộc hồ sơ giải tỏa đền bù số 23 không có bể chứa nước nào, hiện trạng thửa đất không có dấu vết san lấp, đập phá.

- Trong diện tích đất thuộc hồ sơ giải tỏa đền bù số 24 có 01 bể chứa nước (ký hiệu H3) có kích thước chiều dài 29,06m, chiều rộng 12,17m, chiều sâu 0,83, tổng thể tích 293,54m³, có kết cấu bằng xi măng + cát dày khoảng 2 cm, không phải bằng bê

tông cốt thép. Ngoài ra cũng trong diện tích đất này còn có 02 bể chứa nước khác (ký hiệu H4, H5) có kích thước cụ thể như sau:

- H4 có kích thước chiều dài 14,26m, chiều rộng 6,43m, chiều sâu 2,2m. Tổng thể tích 201,72m³.

- H5 có kích thước chiều dài 19,76m, chiều rộng 11,50m, chiều sâu 1,8m. Tổng thể tích 409m³. Đặc điểm 02 bể nước H4, H5 có tráng một lớp xi măng dày khoảng 2 cm. Ngoài ra kiểm tra không có thêm bể nước nào cả.

Tại kết luận số 147 ngày 15/8/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự UBND thành phố Đà Nẵng xác định:

- Bể nước H3 có trị giá: 39.714.366đồng,
- Bể nước H4 có trị giá: 25.106.713đồng.
- Bể nước H5 có trị giá: 44.929.249đồng

Tổng giá trị định giá là: 109.750.328đồng.

Từ kết quả kiểm định đền bù với kết quả định giá trên xác định: các thành viên có tên trong tổ kiểm định cùng với ông Trần Đình T đã lập hồ sơ kiểm định không đúng với thực tế, nâng khống số lượng, chất lượng vật kiến trúc trong diện tích đất rừng bị giải tỏa gồm:

- Về số lượng: 2 hồ nước ở hai diện tích đất có trong số hồ sơ 22, 23 có giá trị $360\text{m}^3 \times 516.000 \text{ đồng/m}^3 \times 2 = 371.520.000\text{đồng}$.

- Về chất lượng: nâng khống một hồ nước H3 ở diện tích đất có hồ sơ số 24 kết cấu xi măng và cát dày 2 phân có giá trị theo định giá là 39.714.366đồng thành một hồ nước bê tông cốt thép $V = 360\text{m}^3 \times 516.000\text{đồng/m}^3 = 185.760.000\text{đồng}$, chênh lệch khống là 146.045.634đồng. Qua kiểm tra thực tế thì tại diện tích đất có số hồ sơ 24 này còn có 02 hồ nước H4, H5 có giá trị theo định giá lần lượt là 25.106.713đồng và 44.929.249đồng. Số tiền theo hồ sơ giải tỏa số 24 của ông T, bà H phải nhận theo đúng thực tế hiện trạng vật kiến trúc trên đất giải tỏa là 109.750.328đồng.

Như vậy Ban giải tỏa đền bù các dự án đầu tư xây dựng số 2 Thành phố Đà Nẵng đã thanh toán không cho hộ gia đình ông Trần Đình T cụ thể: hộ ông Trần Đình T nhận thanh toán không số tiền 185.760.000đồng, hộ ông Nguyễn Thế T, bà Trần Thị Việt H và bà Trần Thị H nhận thanh toán không số tiền 185.760.000đồng, hộ ông Nguyễn Thế T, bà Trần Thị Việt H nhận thanh toán không số tiền 76.009.672đồng. Ban giải tỏa đền bù các dự án đầu tư xây dựng số 2 Thành phố Đà Nẵng gây thiệt hại cho ngân sách nhà nước với tổng số tiền là 447.529.672đồng.

Qua điều tra xác định:

- Tại quyết định số: 207/QĐ-VP ngày 03/10/2008 của Chánh Văn phòng Ủy ban Nhân dân Thành phố Đà Nẵng bổ nhiệm Ông Trương Thanh T là Phó trưởng ban Ban giải tỏa đền bù các dự án đầu tư xây dựng số 2 Thành phố Đà Nẵng thuộc Văn phòng Ủy ban Nhân dân Thành phố Đà Nẵng trong thời hạn 5 năm kể từ ngày công bố. Ông Nguyễn Song H là cán bộ kỹ thuật của Ban giải tỏa đền bù các dự án đầu tư xây dựng số 2 Thành phố Đà Nẵng theo hợp đồng lao động không xác định thời hạn kể từ ngày 01/01/2011. Bà Ngô Thị T là cán bộ phòng áp giá đền bù của Ban giải tỏa đền bù các dự án đầu tư xây dựng số 2 Thành phố Đà Nẵng theo hợp đồng lao động không xác định thời hạn kể từ ngày 01/01/2011. Ông Tân Đăng K là cán bộ phòng xét tính pháp lý nhà đất của Ban giải tỏa đền bù các dự án đầu tư xây dựng số 2 Thành phố Đà Nẵng theo hợp đồng lao động có thời hạn một năm kể từ ngày 01/7/2010 đến ngày 01/7/2011. Ngày 31 tháng 5 năm 2012 thì nghỉ việc theo Quyết định về việc chấm dứt hợp đồng lao động số 03/QĐ-BGTĐB ngày 31/5/2012 của Ban giải tỏa đền bù các dự án đầu tư xây dựng số 2 Thành phố Đà Nẵng.

Trong quá trình kiểm định hồ sơ giải tỏa đền bù số 22, 23, 24 dự án Khu nghỉ dưỡng cao cấp Tây Nam Suối Đá còn có sự tham gia của đại diện Ủy ban nhân dân phường Thọ Quang và Ủy ban nhân dân quận Sơn Trà với nội dung như sau: trước khi tiến hành kiểm định hồ sơ giải tỏa Ban giải tỏa đền bù số 2 có gửi giấy mời đại diện Ủy ban nhân dân quận Sơn Trà và Ủy ban nhân dân phường Thọ Quang tham gia. Theo đó vào ngày 15/4/2011 tại Trạm kiểm lâm Suối đá vì áp lực của tiến độ giải

tòa, Ban giải tỏa đền bù số 2 thành lập 4 tổ kiểm định cùng thực hiện nhiệm vụ kiểm định thực tế đối với các hộ dân thuộc diện giải tỏa dự án khu nghỉ dưỡng cao cấp Tây Nam Suối Đá. Tuy nhiên chỉ có hai tổ kiểm định hoàn thành việc kiểm định trong ngày nên có lập biên bản và lưu hồ sơ đại diện Ủy ban nhân dân phường Thọ Quang và quận Sơn Trà đều có tên trong các tổ kiểm định và sau đó ký xác nhận vào hồ sơ giải tỏa đền bù. Theo giấy mời Ủy ban nhân dân phường Thọ Quang đã cử anh Nguyễn Văn T, cán bộ địa chính phường Thọ Quang tham gia, Phòng Tài nguyên môi trường Ủy ban nhân dân quận Sơn Trà cử anh Huỳnh H tham gia. Do có tên trong nhiều tổ kiểm định cùng một thời điểm nên tại thời điểm đó anh H và anh T không trực tiếp tham gia kiểm định thực tế đối với hồ sơ giải tỏa đền bù số 22, 23, 24 của hộ ông Trần Đình T xong vẫn ký vào biên bản kiểm định (anh T ký nháy và sau đó trình trong Lê V soạn Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Thọ Quang ký xác nhận đóng dấu).

Với nội dung trên, tại Bản án sơ thẩm số 68/2018/HS-ST ngày 01/10/2018 Tòa án nhân dân quận Sơn Trà đã quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo Trương Thanh T, Nguyễn Song H, Tân Đăng K, Ngô Thị T phạm tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”.

1. Căn cứ Khoản 1, Điều 285 của Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Trương Thanh T 12 (Mười hai) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

2. Căn cứ Khoản 1, Điều 285 của Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Nguyễn Song H 09 (Chín) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần hình phạt đối với các bị cáo Tân Đăng K và Ngô Thị T nhưng các bị cáo không kháng cáo, không bị kháng cáo kháng

ngợi; quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo bản án.

Ngày 08/10/2018, bị cáo Trương Thanh T có đơn kháng cáo và ngày 12/10/2018 bị cáo T có đơn bổ sung đơn kháng cáo với nội dung: Bị cáo thừa nhận sai phạm và tội danh mà tòa sơ thẩm xử là đúng, nhưng thực tế bị cáo không trực tiếp tham gia đo đạc, kiểm định và áp giá đền bù, bị cáo chỉ ký vào biên bản khi các thành viên khác đã ký đầy đủ nhưng thiếu kiểm tra, giám sát; hiện nay hoàn cảnh gia đình bị cáo rất khó khăn, là lao động chính, trụ cột trong gia đình; bản thân bị cáo cũng đã tự nguyện tham gia khắc phục hậu quả của vụ án; bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, từ trước đến nay chưa vi phạm pháp luật lần nào; gia đình có công với cách mạng được tặng thưởng nhiều huân huy chương...mức án Tòa sơ thẩm đã tuyên là quá nghiêm khắc nên đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Ngày 08/10/2018, bị cáo Nguyễn Song H có đơn kháng cáo với nội dung: Hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, là lao động chính, trụ cột trong gia đình; bản thân bị cáo cũng đã tự nguyện tham gia khắc phục hậu quả của vụ án; bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, từ trước đến nay chưa vi phạm pháp luật lần nào, chỉ là nhân viên kỹ thuật thừa hành; quá trình công tác được tặng nhiều bằng khen của UBND Tp. Đà Nẵng...mức án Tòa sơ thẩm đã tuyên là quá nghiêm khắc nên đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát có quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: Đơn kháng cáo của các bị cáo T và H theo đúng thủ tục và trong thời hạn kháng cáo nên đảm bảo hợp lệ. Xét về nội dung đơn kháng cáo của các bị cáo thì thấy Bản án hình sự sơ thẩm số 68/2018/HS-ST ngày 01/10/2018 của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà đã xét xử các bị cáo T và H và các đồng phạm khác về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” theo khoản 1 Điều 285 Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng pháp luật. Xét khi lượng hình Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất của vụ án; vai trò, mức độ phạm tội của từng bị cáo; nhân thân và tình tiết giảm nhẹ mà các bị cáo được hưởng để xử phạt bị cáo T 12 tháng tù và xử phạt bị cáo H 09 tháng tù là phù hợp, không nặng. Sau khi xử sơ thẩm, các bị cáo không có tình

tiết giảm nhẹ nào mới. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các bị cáo T và H thừa nhận hành vi và tội danh mà Tòa sơ thẩm đã xét xử; các bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét vận dụng quy định tại Nghị quyết số 02 năm 2018 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về án treo, giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo Trương Thanh T và Nguyễn Song H đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, do đó HĐXX có đủ cơ sở để khẳng định: Ngày 15/04/2011, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ kiểm định, đo đạc, áp giá các hồ sơ giải tỏa đền bù tại dự án Khu nghỉ dưỡng cao cấp Tây Nam, Suối đá theo sự phân công của Ban giải tỏa đền bù các dự án đầu tư xây dựng số 02 Tp. Đà Nẵng đối với các hồ sơ giải tỏa số 22, 23, 24 của hộ ông Trần Đình T, Nguyễn Thế T và Trần Thị Việt H. Tổ kiểm định gồm các thành viên: Trương Thanh T – Phó trưởng ban, Ban giải tỏa đền bù số 2; Nguyễn Song H – Cán bộ kỹ thuật Ban giải tỏa đền bù; Ngô Thị T – Cán bộ áp giá đền bù và Tấn Đăng K – Cán bộ xác định tính pháp lý nhà đất đã có hành vi thiếu tinh thần trách nhiệm như: không đo đầy đủ diện tích của các hồ sơ giải tỏa đền bù được giao kiểm định, nâng không khối lượng, chất lượng và số lượng m³ của các hồ sơ được giao kiểm định; không kiểm tra đầy đủ tính hợp pháp, đúng đắn của các hồ sơ sau kiểm định nhưng vẫn ký thông qua dẫn đến việc áp giá đền bù không đúng với số lượng và chất lượng thực tế của các hồ sơ được giao kiểm định gây thất thoát của Nhà nước tổng số tiền là 447.529.672 đồng.

Vì vậy, Bản án hình sự sơ thẩm số 68/2018/HS-ST ngày 01/10/2018 của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà đã xét xử các bị cáo về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” theo khoản 1 Điều 285 Bộ luật hình sự năm 1999 có khung hình phạt tù từ 06 tháng đến 05 năm là có căn cứ, đúng tội.

Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của các cơ quan, tổ chức do những người có chức vụ thực hiện trong khi thực hiện công vụ được giao

thuộc chương các tội phạm về chức vụ theo quy định của Bộ luật hình sự; gây thất thoát nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước; gây giảm sút niềm tin của nhân dân đối với chính quyền Nhà nước; gây ảnh hưởng xấu đến sự phát triển chung của Tp. Đà Nẵng. Do vậy, cần phải xử phạt thỏa đáng để răn đe, cải tạo, giáo dục các bị cáo và phòng chống tội phạm nói chung.

[2]. Xét kháng cáo của các bị cáo Trương Thanh T và Nguyễn Song H thì thấy:

- Đối với bị cáo Trương Thanh T với cương vị là Phó trưởng ban Ban giải tỏa đền bù số 02 được giao phụ trách chỉ đạo kiểm định các hồ sơ số 22,23 và 24 của các hộ nói trên, nhưng đã không có mặt tại hiện trường để chỉ đạo việc kiểm định, đo đạc; khi những người thừa hành xuất trình hồ sơ kiểm định đã không kiểm tra đầy đủ tính pháp lý, hợp pháp của các hồ sơ kiểm định, chưa có đầy đủ chữ ký của các thành viên được phân công trong tổ kiểm định nhưng vẫn ký thông qua, dẫn đến gây thất thoát, thiệt hại cho Nhà nước số tiền là 447.529.672 đồng, nên bị cáo phải chịu trách nhiệm chính với tư cách là người đứng đầu Tổ kiểm định. Xét khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất của vụ án, vai trò, mức độ phạm tội của bị cáo; xem xét áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng và đã có xét đến nhân thân và hoàn cảnh gia đình bị cáo để xử phạt bị cáo mức án 12 tháng tù là thỏa đáng, phù hợp, không nặng. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo cũng không có tình tiết giảm nhẹ nào mới. Vì vậy, HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Tùng về việc xin được hưởng án treo mà giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

- Đối với bị cáo Nguyễn Song H với cương vị là cán bộ kỹ thuật, có chuyên môn trong việc thực hiện nhiệm vụ đo đạc hiện trường các hồ sơ giải tỏa đền bù được giao kiểm định những đã thiếu tinh thần trách nhiệm, không đo hoặc đo không đầy đủ số lượng, chất lượng của các hồ sơ được kiểm định dẫn đến số lượng và chất lượng m3 bị nâng khống so với thực tế, dẫn đến gây thất thoát, thiệt hại cho Nhà nước số tiền là 447.529.672 đồng, nên bị cáo cũng phải chịu hình phạt tương xứng nhưng thấp hơn so với bị cáo Tùng như Tòa sơ thẩm đã nhận định và phân hóa là đúng. Xét khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất của vụ án, vai trò, mức độ phạm tội của bị cáo; xem xét áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng và đã có xét đến nhân thân và hoàn cảnh gia đình bị cáo để xử phạt bị cáo mức án 09 tháng tù là thỏa đáng, phù hợp, không nặng. Tại

phiên tòa phúc thẩm, bị cáo cũng không có tình tiết giảm nhẹ nào mới. Vì vậy, HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Hùng về việc xin được hưởng án treo mà giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[3]. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4]. Bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào Điểm a Khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trương Thanh T và Nguyễn Song H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Căn cứ Khoản 1, Điều 285 của Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: **Trương Thanh T** 12 (Mười hai) tháng tù về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

- Căn cứ Khoản 1, Điều 285 của Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: **Nguyễn Song H** 09 (Chín) tháng tù về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

2. Về án phí: Các bị cáo Trương Thanh T và Nguyễn Song H, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Phòng HSNV – CA Tp Đà Nẵng;
- CQ THAHS – CA quận Sơn Trà;
- VKSND quận Sơn Trà;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

- CQCSĐT Công an quận Sơn Trà;
- Toà án nhân dân quận Sơn Trà;
- Vụ GDKT I – TAND tối cao;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

Trần Minh Long